ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2091/UBND-NC	*Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 6 năm 2012*
V/v liên quan đến nội dung khởi kiện hành chính của ông Nguyễn Cao Hiệu	

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 3511
Ngày: 28/6/2012
Chuyển:

Kính gửi: Tòa án nhân dân tỉnh

Theo yêu cầu của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại Thông báo số 119/TB-TA ngày 10/5/2012 "*về vụ án hành chính*" và sau khi kiểm tra, rà soát lại hồ sơ vụ việc có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình bà Huỳnh Thị Thành với ông Nguyễn Cao Cửu (đã chết) đã được UBND xã Tịnh Phong hòa giải vào ngày 16/12/1999 nhưng không thành. Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh đã xem xét và ban hành Quyết định số 157/QĐ-UB ngày 14/4/2000 giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Cao Cửu với bà Huỳnh Thị Thành, trong đó *công nhận diện tích 115,5m^2 có chiều dài 15m, chiều rộng 7,7m là thuộc quyền sử dụng của bà Huỳnh Thị Thành.*

Sau khi có Quyết định giải quyết tranh chấp đất của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh, gia đình ông Cửu xây lều quán (*tường gạch, lợp ngói*) trên phần đất công nhận cho bà Thành. Chủ tịch UBND xã Tịnh Phong có Quyết định số 12/QĐ ngày 12/6/2000 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Cao Cửu với hình thức cảnh cáo và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép. Tuy nhiên, đến nay gia đình ông Cửu vẫn chưa tháo dỡ.

Ngày 10/8/2000, Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh ban hành Quyết định số 1068/QĐ-UB về việc điều chỉnh Quyết định số 157/QĐ-UB ngày 14/4/2000 nêu trên, theo đó *không công nhận việc ông Nguyễn Cao Cửu khiếu nại đòi quyền sử dụng 115,5m^2; giữ nguyên nội dung công nhận cho bà Huỳnh Thị Thành được sử dụng 115,5m^2*. Không đồng ý với nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh, ông Nguyễn Cao Hiệu làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi *(lúc bấy giờ ông Cửu đã chết)* và đã được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 15/8/2008, với nội dung chính như sau:

"*1. Công nhận cho gia đình bà Huỳnh Thị Thành (do bà Thành đứng tên đại diện) được quyền sử dụng diện tích đất 80,5m^2 (đã trừ diện tích giải toả xây dựng quốc lộ 1A, diện tích nằm trong phần đất ông Nhân đang sử dụng và diện tích công nhận cho ông Hiệu làm đường đi) thuộc thửa số 200 tờ bản đồ số 21 xã Tịnh Phong (lập năm 1992) nhưng do diện tích này nằm trong quy hoạch hành lang quốc lộ 1A nên gia đình bà Thành không được xây dựng công*

trình; đồng thời, gia đình bà Huỳnh Thị Thành được nhận tiền bồi thường diện tích đất 19,12m² do giải toả xây dựng quốc lộ 1A vào năm 1999.

2. Công nhận cho gia đình ông Nguyễn Cao Hiệu được sử dụng đường đi có chiều rộng giáp với quốc lộ 1A là 2,5m thuộc thửa số 200 tờ bản đồ số 21 xã Tịnh Phong; đồng thời, được nhận tiền bồi thường 2,5m² do giải toả đường đi của gia đình ông xây dựng quốc lộ 1A vào năm 1999.

Gia đình ông Nguyễn Cao Hiệu tháo dỡ lều quán đã xây dựng trái phép vào năm 2000 trên diện tích đất công nhận cho gia đình bà Huỳnh Thị Thành, trả lại mặt bằng cho gia đình bà Thành sử dụng".

Sau khi nhận được Quyết định nêu trên, bà Đào Thị Lý (mẹ kế của ông Hiệu), ông Nguyễn Cao Hiệu cùng các anh là: ông Nguyễn Cao Hanh, ông Nguyễn Cao Việt và Luật sư Lê Huynh có đơn khiếu nại, kiến nghị. Do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, rà soát nhiều lần.

Qua rà soát của Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đều khẳng định Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 15/8/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng chính sách, pháp luật, phù hợp với thực tiễn, chính quyền địa phương đồng tình; quan trọng là so sánh giữa giấy tờ nguồn gốc đất mà gia đình ông Hiệu làm căn cứ chiếm dụng và bản đồ các thời kỳ với diện tích đất mà gia đình ông Hiệu được cấp giấy chứng nhận cho thấy quyền lợi của gia đình ông Nguyễn Cao Hiệu không bị thiệt thòi, mà ngược lại diện tích UBND huyện Sơn Tịnh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cửu còn tăng thêm 226m².

2. Qua kiểm tra, nghiên cứu lại hồ sơ hiện nay thấy rằng, phần đất bà Nguyễn Thị Cát lập "*Giấy bán đoạn mãi đất*" cho ông Nguyễn Cao Cửu ngày 17/2/1960, nằm liền kề về phía Nam đất bà Cát bán cho ông Cước (trong giấy bán đất cũng ghi giới cận phía Bắc cận đất ông Huỳnh Cước). Kiểm tra "*Giấy nhượng vườn vĩnh viễn*" của ông Nguyễn Hòn cho ông Nguyễn Cao Cửu vào năm 1977, có ghi giới cận phía Đông giáp với quốc lộ 1A, nhưng qua kiểm tra hồ sơ địa chính có liên quan thì thấy việc ghi giới cận như vừa nêu là không chính xác, vì thực tế khi kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg ngày 11/10/1980 của Thủ tướng Chính phủ, ông Cửu đứng tên đăng ký thửa đất số 1119 có diện tích 1.160 m², thuộc tờ bản đồ số 6, xã Tịnh Phong. Thửa đất này được biến động từ thửa đất số 7554 (A), tờ bản đồ số 8, xã Tịnh Hòa (nay thuộc địa phận của xã Tịnh Phong). Bản đồ cả hai thời kỳ nêu trên đều không có diện tích tiếp giáp quốc lộ 1A.

Mặt khác, bản thân ông Nguyễn Cao Hiệu trình bày về nguồn gốc đất tranh chấp còn mâu thuẫn với nhau, cụ thể: Tại biên bản làm việc ngày 30/01/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường, ông Hiệu trình bày: *Diện tích đất tranh chấp là một phần nằm trong diện tích 02 sào 04 thước mà cha ông đã mua của ông Nguyễn Hòn vào năm 1977*; trong khi đó đơn khiếu nại đề ngày 20/6/2010, thì ông Hiệu lại cho rằng, *diện tích đất này là tài sản của gia đình do cha ông mua của bà Nguyễn Thị Cát*. Điều này cho thấy phần diện tích

đất tranh chấp là không phải của ông Nguyễn Cao Cửu, mà do ông Cửu lấn chiếm của gia đình bà Thành.

Gia đình bà Thành có giấy tờ về nguồn gốc đất (*Giấy bán đoạn mãi đất đã được chính quyền cũ chứng thực vào ngày 17/02/1960*), đây là đất làm nhà ở của vợ chồng ông Huỳnh Cước để lại, không thuộc diện Nhà nước quản lý, thực tế Nhà nước cũng không quản lý bố trí cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách về đất đai; hơn nữa gia đình bà Thành cũng không có thoả thuận nào giao cho gia đình ông Nguyễn Cao Cửu sử dụng; mặt khác khi gia đình ông Cửu xây dựng lều quán thì gia đình bà Thành đã có tranh chấp. Vì vậy, việc Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết công nhận cho gia đình bà Thành được sử dụng diện tích 80,5m^2 (sau khi đã trừ 6,5m^2 đường vào nhà ông Hiệu) là có cơ sở.

3. Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật có liên quan thấy rằng, theo quy định tại Điều 162 Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai, thì quyết định giải quyết tranh chấp đất đai không phải là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai để bị khởi kiện tại Tòa án nhân dân. Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 15/8/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh là Quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị Thành với ông Nguyễn Cao Cửu lần hai (về sau ông Cửu chết ông Hiệu đại diện), theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai 2003 thì đây là Quyết định giải quyết cuối cùng, các bên đương sự không có quyền khởi kiện. Điều 264 Luật Tố tụng Hành chính năm 2010 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2011) đã sửa đổi khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai 2003 về quyền khởi kiện tại Tòa án hành chính đối với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Cụ thể:

Điều 264. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai

1. Khoản 2 Điều 136 của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này được giải quyết như sau:

a) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giải quyết mà một bên hoặc các bên đương sự không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết hoặc khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính;

b) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết mà một bên hoặc các bên đương sự không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính."

Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 cho thấy, đây là quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất lần đầu của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND huyện (được quy định cụ

thể tại Điều 160 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/20004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai), quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu là đối tượng bị khởi kiện tại Tòa án theo quy định tại Điều 264 Luật Tố tụng hành chính nêu trên. Cũng theo quy định tại Điều 264 Luật Tố tụng hành chính, thì không thể hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh (trường hợp Chủ tịch UBND huyện giải quyết lần đầu mà công dân còn tiếp khiếu) và quyết định giải quyết tranh chấp lần hai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết lần đầu mà công dân còn tiếp khiếu) là đối tượng khởi kiện tại tòa án.

Như vậy, Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 15/8/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh là Quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất lần hai, không phải là đối tượng khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và hiện đang có hiệu lực thi hành nên phải được tổ chức thực hiện.

* Từ kết quả rà soát như đã nêu trên, UBND tỉnh Quảng Ngãi khẳng định Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 15/8/2008 giải quyết *công nhận cho gia đình bà Huỳnh Thị Thành 80,5m^2, buộc gia đình ông Nguyễn Cao Hiệu tháo dỡ lều quán đã xây dựng trái phép trên diện tích này* là đúng quy định của pháp luật. Quyết định này là quyết định giải quyết cuối cùng, hiện đang có hiệu lực thi hành nên phải được tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh nghiên cứu lại việc thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Cao Hiệu với những lý do mà UBND tỉnh Quảng Ngãi đã nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Tòa Hành chính *(TAND tỉnh)*;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: CVP, TCD, CBTH;
- Lưu: VT, NC (nqviet 380)

CHỦ TỊCH

Cao Khoa